

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 122/2024/HS-ST
Ngày: 05 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Khel .

Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Kiều Mị - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 112/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Nhất D, sinh ngày 24-11-2000 tại Hậu Giang. Đăng ký thường trú: số B đường M, Phường A, quận N, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Quốc T và bà Trần Nhơn P; vợ: không; con: không; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23-4-2024 cho đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Thị Ngọc D1 – Luật sư thuộc Công ty TNHH MTV D2, đoàn luật sư Thành phố C (có mặt).

- Bị hại: Bà Bùi Thị Bé N, sinh năm 1992. Địa chỉ: số H đường T, Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Nhất D và Bùi Thị Bé N có mối quan hệ yêu thương và sống chung như vợ chồng tại phòng số 17, nhà trọ M, đường T, Khóm F, Phường F, thành phố

S. Quá trình chung sống, giữa D và N phát sinh mâu thuẫn nên N muốn chia tay nhưng D không đồng ý.

Chiều ngày 14 tháng 12 năm 2023, D điều khiển xe mô tô biển số 65B1-938.50 từ thành phố Cần Thơ đến nhà trọ M, đường T, Khóm F, Phường F, thành phố S để gặp N nhưng N không có ở phòng số 17. Sau khi vào phòng, D điện thoại cho N thì được N cho biết đang ở nhà chị ruột của N. Sau đó, D điện thoại cho Lê Tú S, nhà số B, đường T, Phường E, thành phố S để rủ S nhậu thì S kêu qua nhà S. Khi D qua nhà S thì thấy S, N và 02 người bạn của S đang nhậu, thì D vào cùng tham gia nhậu. Đến khoảng 21 giờ, gia đình của D thông báo bà ngoại của D mất nên D từ giã ra về, lúc này giữa D và N tiếp tục cự cãi nhau thì D đi về, còn N tiếp tục nhậu. Khi D điều khiển xe đến Trạm thu phí BOT trên đường Q, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, do bức tức N nên D nảy sinh ý định lấy trộm vàng của N. Với ý định đó, D điều khiển xe quay trở lại nhà trọ Mai P1, khi vào cổng rào của nhà trọ Mai P1, D dùng tay điều chỉnh C quay ra hướng khác, rồi mở cửa đi vào Phòng số 17 của N. Khi vào phòng, D đi đến tủ nhựa dùng để đựng quần áo rồi mở ngăn tủ nhỏ lấy trộm tất cả vàng của N gồm: 01 (một) chiếc nhẫn vàng 24K, 01 (một) chiếc nhẫn vàng 18K, 01 (một) chiếc lắc tay vàng 18K, 01 (một) đôi bông tai vàng 18K và 01 (một) sợi dây chuyền vàng Italy, D để tất cả số vàng trên vào balo rồi điều khiển xe đi về Đồng Tháp dự đám tang của ngoại D. Đến khoảng 05 giờ ngày 25 tháng 12 năm 2023, bị hại N về phòng trọ thì phát hiện bị mất trộm tài sản nên đến Công an P2, thành phố S trình báo sự việc.

Tại Kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐG ngày 01/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Ủy ban nhân dân thành phố S, kết luận: 01 (một) lắc tay 03 chỉ vàng 18K, qua giám định có thành phần kim loại là V (A), với giá 13.261.500 đồng; 01 (một) chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 24K, qua giám định có thành phần kim loại là V (A), với giá 6.055.000 đồng; 01 (một) chiếc nhẫn 5,28 phân vàng 18K, qua giám định có thành phần kim loại là V (A), với giá 2.334.024 đồng; 01 (một) đôi bông tai 3,3 phân vàng 18K, qua giám định có thành phần kim loại là V (A), với giá 1.458.765 đồng; 01 (một) sợi dây chuyền vàng Italy 2,27 chỉ, qua giám định có thành phần kim loại là V (A), với giá 8.762.200 đồng. Tổng giá trị tài sản là 31.871.489 đồng.

Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tạm giữ: 01 (một) chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 24K; 01 (một) chiếc nhẫn 5,28 phân vàng 18K; 01 (một) chiếc lắc tay 03 chỉ vàng 18K; 01 (một) đôi bông tai 3,3 phân vàng 18K; 01 (một) sợi dây chuyền 2,27 chỉ vàng Italy; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, số máy G3D4E429257, số khung RLCUG0610HY409953, màu sơn đen, biển số 65B1-938.50. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã làm rõ và đã trao trả số vàng trên cho chủ sở hữu là bà Bùi Thị Bé N.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Bùi Thị Bé N đã nhận lại tài sản mà bị cáo chiếm đoạt nên không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Tại Bản cáo trạng số 117/CT-VKS-TPST ngày 05/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng truy tố bị cáo Trần Nhất D về tội “Trộm cắp tài

sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

*** Tại phiên tòa:**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng giữ nguyên quyết định truy tố về hành vi của bị cáo Trần Nhất D và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Nhất D phạm tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị cáo chiếm đoạt được thu giữ kịp thời và giao trả lại cho bị hại nên phạm tội gây thiệt hại không lớn theo quy định tại i, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và đề nghị áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Trần Nhất D 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, số máy G3D4E429257, số khung RLCUG0610HY409953, màu sơn đen, biển số 65B1- 938.50.

Về án phí, buộc bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo D: Thống nhất tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt, xử lý vật chứng mà Kiểm sát viên đã đề nghị, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

- Bị cáo Trần Nhất D thừa nhận hành vi phạm tội, thống nhất quan điểm của người bào chữa cho bị cáo và nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Nhất D thừa nhận nội dung cáo trạng phản ánh đúng hành vi của bị cáo, vào ngày 14-12-2023 bị cáo vì giận bị hại Bùi Thị Bé N nên bị cáo đã lén lút lấy trộm của bị hại N số nữ trang của N gồm: 01 (một) chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 24K, 01 (một) chiếc nhẫn 5,28 phân vàng 18K, 01 (một) chiếc lắc tay 03 chỉ vàng 18K, 01 (một) đôi bông tai 3,3 phân vàng 18K và 01 (một) sợi dây chuyền 2,27 chỉ vàng Italy tại phòng số 17, nhà trọ Mai P1, số H, đường T, Khóm F, Phường F, thành phố S. Bị cáo đã nhận được kết luận định giá tài sản bị cáo thống nhất, bị cáo đã biết sai và xin giảm nhẹ hình phạt. Lời thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4] Tại Kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐG ngày 01/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Ủy ban nhân dân thành phố S, kết luận: 01 (một) lắc tay 03 chỉ vàng 18K, qua giám định có thành phần kim loại là V (A), với giá 13.261.500 đồng; 01 (một) chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 24K, qua giám định có thành phần kim loại là V (A), với giá 6.055.000 đồng; 01 (một) chiếc nhẫn 5,28 phân vàng 18K, qua giám định có thành phần kim loại là V (A), với giá 2.334.024 đồng; 01 (một) đôi bông tai 3,3 phân vàng 18K, qua giám định có thành phần kim loại là V (A), với giá 1.458.765 đồng; 01 (một) sợi dây chuyền vàng Italy 2,27 chỉ, qua giám định có thành phần kim loại là V (A), với giá 8.762.200 đồng. Tổng giá trị tài sản là 31.871.489 đồng.

[5] Xét thấy, bị cáo Trần Nhất D là công dân Việt Nam, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác, với giá trị 31.871.489 đồng của bị cáo đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Từ đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng truy tố bị cáo để xét xử về tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan cho bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã thu giữ kịp thời và giao trả lại cho bị hại nên phạm tội gây thiệt hại không lớn nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại i, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[8] Về hình phạt: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên là xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cũng nhằm thể hiện tính nhân đạo của nhà nước ta đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và phù hợp với quy định về án treo tại Điều 65

Bộ luật Hình sự.

[9] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra đã thu giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, số máy G3D4E429257, số khung RLCUG0610HY409953, màu sơn đen, biển số 65B1- 938.50. Xét thấy, đây là tài sản của bị cáo dùng vào việc đi lại cá nhân nên cần giao trả lại cho bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật.

[10] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại Bùi Thị Bé N không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên không đặt ra xem xét.

[11] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bào chữa cho bào chữa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[13] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng trình bày quan điểm luận tội, đề nghị mức hình phạt và các biện pháp tư pháp đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 173; điểm i, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Tuyên bố: bị cáo Trần Nhất D, phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2/. Xử phạt: bị cáo Trần Nhất D 1 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày 05-8-2024.

Giao bị cáo Trần Nhất D cho Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố Cần Thơ giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3/. Về xử lý vật chứng:

Trả cho bị cáo Trần Nhất D: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, số máy G3D4E429257, số khung RLCUG0610HY409953, màu sơn đen, biển số 65B1- 938.50.

4/. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại Trần Thị Bé N1 không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên không đặt ra xem xét.

5/. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Nhất D phải nộp số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6/. Thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- CQCSĐT - Công an thành phố Sóc Trăng;
- CQTHAHS – Công an thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục THA Dân sự thành phố Sóc Trăng;
- UBND phường An Hòa, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; TAND TP Sóc Trăng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trúc Phương